

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## **NỘI DUNG**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 52

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 41 công ty con cấp bên dưới. Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Vũ Hữu Điền	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên trong Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Tôn	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Hải	Thành viên

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên trong Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Rõ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trà Văn Hàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sự.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 60752790/15046618

## BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 52 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ có các công ty con và các công ty liên kết và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của toàn Tập đoàn.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Bùi Xuân Vinh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0842/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.192.415.908</b>	<b>7.672.612.268</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>2.060.270.785</b>	<b>2.634.154.476</b>
111	1. Tiền	4	2.060.270.785	2.634.154.476
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>81.783.240</b>	<b>81.783.240</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.568.273.389</b>	<b>4.593.203.945</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	448.784.273	295.652.105
132	2. Trả trước cho người bán	7	278.376.117	46.644.861
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.841.112.999	4.250.906.979
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>435.763.550</b>	<b>303.088.021</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	435.763.550	303.088.021
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>46.324.944</b>	<b>60.382.586</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.378.669	41.628.536
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		26.429.842	10.363.103
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	650.450
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	16.516.433	7.740.497
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.744.236.764</b>	<b>5.159.054.257</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>607.586.219</b>	<b>617.453.484</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	378.319.712	358.923.916
222	Nguyên giá		436.592.148	406.217.359
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(58.272.436)	(47.293.443)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	74.285.245	74.463.899
228	Nguyên giá		75.621.707	75.432.978
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.336.462)	(969.079)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	154.981.262	184.065.669
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>5.964.289.169</b>	<b>4.504.839.003</b>
252	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	5.546.983.030	4.099.825.765
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	25.500.000	25.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	16	391.806.139	379.513.238
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>172.361.376</b>	<b>36.761.770</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	165.621.025	27.445.338
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	5.127.251	7.703.332
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.613.100	1.613.100
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.936.652.672</b>	<b>12.831.666.525</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Ngàn VNĐ


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.711.972.979</b>	<b>3.805.448.455</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.968.975.482</b>	<b>2.921.219.607</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	1.014.366.124	2.259.196.966
312	2. Phải trả cho người bán	19	125.267.721	110.657.112
313	3. Người mua trả tiền trước		128.675.936	8.581.406
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	236.073.320	181.309.437
315	5. Phải trả công nhân viên		6.637.174	3.775.534
316	6. Chi phí phải trả	21	220.221.282	83.598.661
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	159.917.612	165.870.540
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		77.816.313	108.229.951
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.742.997.497</b>	<b>884.228.848</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		992.154	984.754
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	3.741.830.985	883.069.736
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		174.358	174.358
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.224.679.693</b>	<b>9.026.218.070</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24.1</b>	<b>9.224.679.693</b>	<b>9.026.218.070</b>
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		220.253.686	210.865.390
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.442.024.802	2.187.510.833
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.936.652.672</b>	<b>12.831.666.525</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
1. Ngoại tệ - Đô la Mỹ (US\$)	2.383.743	2.107



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	298.398.388	847.436.645
02	2. Các khoản giảm trừ	25.1	(162.641)	(184.323)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	298.235.747	847.252.322
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(247.678.879)	(435.727.934)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.556.868	411.524.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	620.157.592	931.704.143
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	27	(296.198.987)	(109.845.836)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(278.415.980)	(109.230.609)
24	8. Chi phí bán hàng		(26.846.270)	(19.539.690)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(48.691.292)	(34.376.551)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		298.977.911	1.179.466.454
31	11. Thu nhập khác	28	1.560.766	5.979.101
32	12. Chi phí khác	28	(10.301.444)	(7.801.255)
40	13. Lỗ khác	28	(8.740.678)	(1.822.154)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		290.237.233	1.177.644.300
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(74.523.731)	(178.217.958)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.2	(2.576.081)	(1.204.319)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		213.137.421	998.222.023



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>290.237.233</b>	<b>1.177.644.300</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		11.328.150	23.604.807
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(25.120.800)	(8.944.344)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(595.036.792)	(862.969.165)
06	Chi phí lãi vay	27	278.415.980	109.230.609
08	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(40.176.229)</b>	<b>438.566.207</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		16.623.711	(193.958.795)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(132.675.529)	94.825.173
11	Tăng các khoản phải trả		107.722.583	240.587.666
12	Giảm chi phí trả trước		15.148.221	24.608.956
13	Tiền lãi vay đã trả		(104.867.329)	(123.393.492)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.1	(18.913.450)	(53.907.032)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.979.569)	(26.050.619)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(173.117.591)</b>	<b>401.278.064</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(39.896.263)	(149.233.721)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		48.153	1.838.675
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(593.343.400)	(777.218.988)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.787.724.265)	(747.262.286)
26	Tiền thu hồi bán lại các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		366.987.180	667.894.598
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.306.129	44.719.404
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.899.622.466)</b>	<b>(959.262.318)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.722.368.321	717.885.758
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.223.511.955)	(501.936.932)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.498.856.366</b>	<b>215.948.826</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(573.883.691)	(342.035.428)
60	Tiền đầu kỳ		2.634.154.476	1.297.566.342
70	Tiền cuối kỳ	4	2.060.270.785	955.530.914



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 41 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng**

Công ty là công ty mẹ của các công ty con và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 10 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### 2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Thay đổi chính sách kế toán*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính tổng hợp trong các kỳ trước ngoại trừ:

Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Theo chính sách kế toán mới, doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Việc thay đổi này được xem là thay đổi chính sách kế toán theo Công văn trả lời của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 2 năm 2011 và đã được áp dụng hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "*Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*". Ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố này vào số liệu đã báo cáo trong các kỳ trước được trình bày ở Thuyết minh số 34 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ngoài ra, vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như được trình bày trong các Thuyết minh số 32 và 33.

#### 3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

**3.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su và trạm của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Vườn cây cao su*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

**3.10 Tài sản thuê**

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.13 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.14 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.15 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.17 Trích trước trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*” (“CMKTVN 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Theo CMKTVN 10</b>	<b>Theo Thông tư 201</b>
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “ <i>Chênh lệch tỷ giá</i> ” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các kỳ sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho các kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 là không trọng yếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành tổng hợp nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và xã hội.

**3.20 Cổ phiếu ngân quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.21 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu bán căn hộ trong giai đoạn trước khi hoàn thành được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- ▶ công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.21 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.22 *Thuế*

##### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

##### *Thuế hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.22 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.23 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.23 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi ngân hàng	2.059.212.035	2.633.291.450
Tiền mặt tại quỹ	1.054.801	859.917
Tiền đang chuyển	3.949	3.109
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.060.270.785</u></b>	<b><u>2.634.154.476</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 34)
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	316.379.666	226.525.726
Phải thu tiền bán căn hộ	69.126.379	69.126.379
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	63.278.228	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>448.784.273</u></b>	<b><u>295.652.105</u></b>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 261.399.147 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (*Thuyết minh số 30*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trả trước để nhận chuyển nhượng vốn góp	250.000.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	28.376.117	46.644.861
<b>Tổng cộng</b>	<b>278.376.117</b>	<b>46.644.861</b>

Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ bao gồm các khoản phải trả trước cho các bên liên quan là 4.965.144 ngàn VNĐ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 (*Thuyết minh số 30*).

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	4.122.910.278	4.136.019.802
Cho vay ngắn hạn các công ty	523.474.004	41.668.305
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	83.012.820	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	52.348.333	34.485.835
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	34.750.948	22.243.829
Các khoản khác	24.616.616	16.489.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.841.112.999</b>	<b>4.250.906.979</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 34)
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	311.915.483	243.253.314
Thành phẩm	427.806	1.139.533
Hàng hóa	2.379.138	2.388.516
Sản phẩm dở dang	47.379.757	40.048.638
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	24.865.256	22.943.153
<i>Sản xuất</i>	22.432.124	17.105.485
<i>Dịch vụ</i>	82.377	-
Nguyên vật liệu	58.377.003	8.431.446
Công cụ, dụng cụ	13.286.028	5.816.892
Vật liệu xây dựng	1.998.335	2.009.682
<b>Tổng cộng</b>	<b>435.763.550</b>	<b>303.088.021</b>

Tất cả các căn hộ đang xây để bán bao gồm cả quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 18 và 23*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	16.466.313	7.690.377
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>16.516.433</u></b>	<b><u>7.740.497</u></b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	301.400.028	38.389.491	52.397.136	4.685.741	6.698.345	2.646.618	406.217.359
Tăng trong kỳ	5.318.365	9.404.664	15.121.355	462.375	-	122.486	30.429.245
Giảm trong kỳ	-	-	(54.456)	-	-	-	(54.456)
Số dư cuối kỳ	306.718.393	47.794.155	67.464.035	5.148.116	6.698.345	2.769.104	436.592.148
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	(24.967.128)	(8.666.432)	(9.265.336)	(2.391.740)	(941.956)	(1.060.851)	(47.293.443)
Tăng trong kỳ	(4.941.441)	(1.951.235)	(3.204.039)	(644.416)	(85.434)	(158.731)	(10.985.296)
Giảm trong kỳ	-	6.303	-	-	-	-	6.303
Số dư cuối kỳ	(29.908.569)	(10.611.364)	(12.469.375)	(3.036.156)	(1.027.390)	(1.219.582)	(58.272.436)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	276.432.900	29.723.059	43.131.800	2.294.001	5.756.389	1.585.767	358.923.916
Số dư cuối kỳ	276.809.824	37.182.791	54.994.660	2.111.960	5.670.955	1.549.522	378.319.712

Trong đó:

Thẻ chấp/cầm cố để đảm bảo các  
khoản vay  
(Thuyết minh số 18 và 23)

276.809.824 29.610.805 - - 306.420.629



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

			Ngàn VNĐ
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	70.282.141	5.150.837	75.432.978
Tăng trong kỳ	-	188.729	188.729
Số dư cuối kỳ	70.282.141	5.339.566	75.621.707
<b>Khấu trừ lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	(969.079)	(969.079)
Tăng trong kỳ	-	(367.383)	(367.383)
Số dư cuối kỳ	-	(1.336.462)	(1.336.462)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	70.282.141	4.181.758	74.463.899
Số dư cuối kỳ	70.282.141	4.003.104	74.285.245
<i>Trong đó:</i>			
Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 23)	70.282.141	-	70.282.141

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Nhà xưởng và vật kiến trúc	90.970.021	159.442.269
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	38.684.599	-
Chi phí trồng cây cao su	23.361.444	24.085.690
Các công trình xây dựng khác	1.965.198	537.710
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.981.262</b>	<b>184.065.669</b>

**14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 12.660.863 ngàn VNĐ (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 7.382.906 ngàn VNĐ). Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển tài sản cố định, các dự án căn hộ và mua đất.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

### 15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2011			Ngày 31 tháng 12 năm 2010		
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>								
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	168.471.225	83,71	1.684.712.247	176.411.900	88,21	1.775.279.247
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	178.441.906	99,00	1.784.419.064	48.457.192	99,00	484.571.924
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	83.700.000	83,70	837.000.000	83.700.000	83,70	837.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	100.449.530	98,80	1.004.495.295	67.796.879	98,80	722.968.795
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	8.700.000	88,18	100.986.248	8.700.000	88,18	100.986.248
<i>Các công ty con đang trong giai đoạn tái cấu trúc</i>								
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	-	-	-	4.704.357	100,00	47.043.575
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	1.290.000	80,00	26.930.800	1.290.000	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	5.342.496	51,00	53.424.959	5.342.496	51,00	53.424.959
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL (ii)	Bệnh viện	Trước hoạt động	3.453.442	46,20	34.534.417	3.114.021	46,20	31.140.217
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	1.580.000	51,85	15.800.000	1.580.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	468.000	55,12	4.680.000	468.000	55,12	4.680.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>5.546.983.030</b>		<b>5.546.983.030</b>	<b>4.099.825.765</b>		<b>4.099.825.765</b>

(i) Theo quá trình tái cấu trúc, Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai với giá gốc.

(ii) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại công ty con này.

Trước hoạt động thể hiện tình hình các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

### 15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011			Ngày 31 tháng 12 năm 2010		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	1.100.000	42,04	13.000.000	1.000.000	42,04	13.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	750.000	25,00	7.500.000	750.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>25.500.000</b>			<b>25.500.000</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu (i)	81.183.513	81.183.513
Cho vay Chính phủ Lào (ii)	293.112.585	280.819.684
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>391.806.139</b>	<b>379.513.238</b>

- (i) Dự án Hải Châu đã được thế chấp để vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23*).
- (ii) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số nợ gốc đầu kỳ	14.833.070,13	14.833.070,13
Số đã được hoàn trả trong kỳ	(616.725,95)	-
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ</b>	<b>14.216.344,18</b>	<b>14.833.070,13</b>
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)</b>	<b>293.112.585</b>	<b>280.819.684</b>

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Số dư đầu kỳ	27.445.338	35.327.543
Tăng trong kỳ	159.063.753	5.081.646
Chi phí phân bổ trong kỳ	186.509.091	40.409.189
Điều chỉnh sang tài khoản khác	(20.888.066)	(13.006.188)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	-	(665.076)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>165.621.025</b>	<b>26.737.925</b>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu chuyển đổi ( <i>Thuyết minh số 23.2</i> )	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	558.765.654	733.035.138
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 23</i> )	455.600.470	426.161.828
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.014.366.124</b>	<b>2.259.196.966</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN** (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2011 (Ngàn VNĐ)	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 11)
<i>Vietcombank, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 98/09/NHNT, 05/06/2009	243.165.654	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Thả nổi	Tài sản, máy móc thiết bị
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng vay số ID 1002900, 09/01/2010	315.600.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Thả nổi	Tin chấp
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>558.765.654</u></b>			

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	125.267.721	99.758.210
Phải trả nhà thầu	-	10.898.902
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>125.267.721</u></b>	<b><u>110.657.112</u></b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 13.364.362 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (Thuyết minh số 30).

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	230.503.080	179.489.201
Thuế thu nhập cá nhân	693.107	737.024
Thuế giá trị gia tăng	454.162	934.767
Các khoản phải nộp khác	4.422.971	148.445
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>236.073.320</u></b>	<b><u>181.309.437</u></b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	211.926.740	79.381.458
Các khoản khác	8.294.542	4.217.203
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>220.221.282</u></b>	<b><u>83.598.661</u></b>

**22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	143.864.369	142.832.243
Phải trả các công ty khác	-	9.500.000
Các khoản khác	16.053.243	13.538.297
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>159.917.612</u></b>	<b><u>165.870.540</u></b>

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu quốc tế (Thuyết minh số 23.1)	1.785.582.299	-
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 23.2)	1.100.000.000	-
Trái phiếu thường (Thuyết minh số 23.3)	880.000.000	880.000.000
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.4)	431.849.156	429.231.564
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.197.431.455</u></b>	<b><u>1.309.231.564</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	455.600.470	426.161.828
Nợ dài hạn	3.741.830.985	883.069.736

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**23.1 Trái phiếu quốc tế**

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng số nợ gốc là 90 triệu Đô la Mỹ theo mệnh giá là 100.000 Đô la Mỹ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá lần lượt là 18 triệu Đô la Mỹ vào ngày 20 tháng 5 năm 2014, 18 triệu Đô la Mỹ tiếp theo vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 và hoàn trả phần còn lại vào ngày 20 tháng 5 năm 2016. Đây là trái phiếu chiết khấu với giá 96,181% và chịu lãi suất 9,875%/năm và tiền lãi trái phiếu được thanh toán vào các ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 hàng năm. Tiền thu được từ các trái phiếu này được sử dụng đầu tư vào các dự án thủy điện, trồng cao su và phục vụ hoạt động của Công ty. Các trái phiếu này được thế chấp bằng vốn cổ phần của các bên bảo lãnh gồm công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ.

**23.2 Trái phiếu chuyển đổi**

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd, một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 triệu VNĐ/đơn vị. Trái phiếu có kỳ hạn là 1 năm và sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm thời hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi 4 ngân hàng trong nước (Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty và Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến Hạn: Ngày đến hạn ban đầu là ngày 31 tháng 8 năm 2011 được điều chỉnh thành ngày 31 tháng 8 năm 2013 với quyền gia hạn thêm 1 hoặc 2 năm theo sự lựa chọn của chủ sở hữu Trái Phiếu với cùng điều khoản và điều kiện.
- ▶ Giá Chuyển Đổi: 44.917 VNĐ/một cổ phần là giá chuyển đổi ban đầu (67.375 VNĐ/một cổ phần) được điều chỉnh xuống tương ứng với đợt phát hành cổ phiếu thường (ngày 21 tháng 1 năm 2011) với tỷ lệ 2:1) và phụ thuộc vào Điều Khoản Chống Pha Loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng 3% một năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.

**Chuyển Đổi Và Điều Khoản Chống Pha Loãng:** Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của HAG từ ngày 1 tháng 3 năm 2013 cho đến Ngày Đến Hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thường, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**23.3 Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường bao gồm các khoản trái phiếu trị giá 350 tỷ VNĐ và 530 tỷ VNĐ được phát hành bởi Công ty như sau:

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2008, Công ty đã phát hành đợt trái phiếu thường trị giá 100 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 30 tháng 9 năm 2011. Trái phiếu này chịu lãi suất 21,00%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên trả vào ngày 30 tháng 3 năm 2009 và chịu lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán 2 kỳ mỗi năm vào các ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để tài trợ cho các dự án đang triển khai của Tập đoàn thuộc ngành bất động sản, thủy điện và trồng cao su.

Trong tháng 12 năm 2008, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu thường khác trị giá là 250 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trái phiếu này chịu lãi suất 12,75%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán 2 kỳ mỗi năm vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án đang triển khai của Tập đoàn thuộc ngành bất động sản, thủy điện và trồng cao su.

Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của dự án Hoàng Anh River View và dự án Kênh Tế của một công ty con của Công ty, và các căn hộ đang xây dựng của dự án Hoàng Anh River View với tổng giá trị thế chấp là khoảng 1.821.783.170 ngàn VNĐ.

Ngày 8 tháng 10 năm 2010, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu thường trị giá 530 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 8 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu này chịu lãi suất 15,2%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi tương đương lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng địa phương cộng 4,2%/năm cho những kỳ sau. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án bất động sản đang triển khai của các công ty con. Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 30 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với tổng giá trị thế chấp là 2.267 tỷ VNĐ.

**23.4 Vay dài hạn ngân hàng**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín ("Sacombank")	289.422.020	252.475.282
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	67.697.812	76.870.767
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	48.729.324	70.385.515
Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Vietinbank")	26.000.000	29.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>431.849.156</b>	<b>429.231.564</b>



## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### 23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2011 (Ngân VNĐ)	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng				
Hợp đồng vay số 7683, 06/08/2007	35.156.250	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán làm 32 lần, lần đầu vào 12/2/2009 – được trả hàng quý	lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng, được điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065, 10/11/2009	45.000.000	Hoàn trả trong vòng 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng	Mảnh đất số 2, dự án Phần Lãng, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số 10270, 28/05/2009	199.994.298	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875% /tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng, được điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng; đất tại Bầu Thạc Gián, phường Thạc Gián, Đà Nẵng; đất tại phường Hào Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng số 6100002968, 08/06/2009; 6100002992, 11/06/2009; 6100003016, 17/06/2009; 610 0003040, 25/06/2009; 610 0003115, 30/06/2009	9.271.472	Hoàn trả trong vòng 36 tháng, lần thanh toán đầu tiên vào 27/09/2009	0,865%/tháng	Xe tải và xe kéo
<b>Tổng cộng Sacombank</b>	<b>289.422.020</b>			

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

### 23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2011 (Ngàn VNĐ)	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai				
Hợp đồng vay số 140/05/NHNT, 18/05/2005	62.897.812	120 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất từng lần rút vốn vay	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án Đà Nẵng Plaza
Hợp đồng tín dụng số 125/10/NHNT, 25/06/2010	4.800.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	14,5%/năm và thay đổi theo lãi suất của VCB	Máy móc thiết bị
<b>Tổng cộng Vietcombank</b>	<b>67.697.812</b>			

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

<b>23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b> (tiếp theo)				
<b>23.4 Vay dài hạn ngân hàng</b> (tiếp theo)				
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011 (Ngân VNĐ)			Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
Tên ngân hàng		Thời hạn thanh toán và đảo hạn	Lãi suất	
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 01/2004/HD, 25/08/2004	14.402.072	Hoàn trả trong vòng 108 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm thời gian ân hạn 24 tháng và thời gian trả nợ 84 tháng	1,09%/tháng	Toàn bộ tài sản của khách sạn HAGL
Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HD, 5/9/2008	20.445.501	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn 18 tháng và thời gian trả nợ 42 tháng	1,06%/tháng	Tòa nhà hội sở chính HAGL tại Gia Lai
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng tín dụng số 01/2005/HD, 14/07/2005	13.881.751	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng lần giải ngân, dựa trên lãi suất hiệu lực vào ngày giải ngân	Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản liên quan đến đất của dự án căn hộ Đầm sinh thái Quy Nhơn
<b>Tổng cộng BIDV</b>	<b>48.729.324</b>			
<i>Vietinbank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 15/HĐTĐ, 05/02/2005	<b>26.000.000</b>	96 tháng, thanh toán làm 32 lần, hàng quý, lần thanh toán đầu tiên vào 25/03/2007	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm và điều chỉnh 2 lần mỗi năm (vào ngày 1/2 và 1/8 hàng năm)	Toàn bộ tài sản của Khu nghỉ dưỡng Hoàng Anh Đà Lạt được tài trợ bởi khoản vay này

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để xây dựng và phát triển các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ và mua sắm máy móc và thiết bị.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phong tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngàn VNĐ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010								
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2010	2.704.654.580	1.223.971.061	(30.091.699)	915.313	8.622.737	82.528.069	655.996.705	4.646.596.766
Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	220.552.390	1.214.447.610	-	-	-	-	-	1.435.000.000
Hoàn nhập khoản thặng dư vốn cổ phần	-	(54.068.925)	-	-	-	-	-	(54.068.925)
Lợi nhuận trong kỳ (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)	-	-	-	-	-	-	998.222.023	998.222.023
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	72.805.108	(140.594.968)	(67.789.860)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(915.313)	-	-	-	(915.313)
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	-	-	(4.278.243)	(4.278.243)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>	<b>2.925.206.970</b>	<b>2.384.349.746</b>	<b>(30.091.699)</b>	<b>-</b>	<b>8.622.737</b>	<b>155.333.177</b>	<b>1.509.345.517</b>	<b>6.952.766.448</b>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011								
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.115.206.970	3.504.012.140	-	-	8.622.737	210.865.390	2.187.510.833	9.026.218.070
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	-	-	(934.559.358)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	213.137.421	213.137.421
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	9.388.296	(18.776.594)	(9.388.298)
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	-	-	(5.287.500)	(5.287.500)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>	<b>4.672.805.900</b>	<b>2.880.972.568</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.622.737</b>	<b>220.253.686</b>	<b>1.442.024.802</b>	<b>9.224.679.693</b>

Ngày 26 tháng 1 năm 2011, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu cũ được nhận 1 cổ phiếu thưởng). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu thưởng là 60% lấy từ lợi nhuận chưa phân phối và 40% lấy từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1808/10/NQCD-HAGL ngày 18 tháng 8 năm 2010 (lấy ý kiến bằng văn bản từ các cổ đông). Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần 1.557.598.930 ngàn VNĐ, giảm thặng dư vốn cổ phần 623.039.572 ngàn VNĐ và giảm lợi nhuận chưa phân phối 934.559.358 ngàn VNĐ. Ngày 28 tháng 1 năm 2011, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 18 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 4.672.805.900 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	467.280.590	311.520.697
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697
Cổ phiếu đang lưu hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngàn VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 34)
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>298.398.388</b>	<b>847.436.645</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	179.301.205	515.914.915
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	60.683.078	290.378.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.908.584	41.142.815
Doanh thu căn hộ	9.505.521	-
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>162.641</b>	<b>184.323</b>
Trong đó:		
Hàng bán trả lại	-	996
Thuế tiêu thụ đặc biệt	162.641	183.327
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>298.235.747</b>	<b>847.252.322</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	179.301.205	515.914.915
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	60.683.078	290.378.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.745.943	40.958.492
Doanh thu căn hộ	9.505.521	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**25. DOANH THU** (tiếp theo)

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	359.433.000	297.090.628
Lãi tiền gửi	119.084.043	40.190.546
Lãi cho vay các công ty con	116.039.749	69.588.032
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.120.800	10.051.497
Cổ tức nhận được	480.000	460.202.482
Các khoản khác	-	54.580.958
<b>Tổng cộng</b>	<b>620.157.592</b>	<b>931.704.143</b>

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư là khoản lãi từ việc bán cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh (Công ty con) cho Công ty TNHH Một thành viên Vạn Phúc Hưng.

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (đã điều chỉnh lại -Thuyết minh số 34)
Giá vốn hàng hóa	150.730.708	246.531.519
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	56.119.261	159.987.928
Giá vốn dịch vụ cung cấp	33.406.794	29.208.487
Giá vốn căn hộ	7.422.116	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>247.678.879</b>	<b>435.727.934</b>

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí lãi vay	278.415.980	109.230.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	272.568	587.523
Các khoản khác	17.510.439	27.704
<b>Tổng cộng</b>	<b>296.198.987</b>	<b>109.845.836</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.560.766</b>	<b>5.979.101</b>
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	48.153	1.838.675
Tiền thu bán phế liệu	80.000	234.307
Các khoản khác	1.432.613	3.906.119
<b>Chi phí khác</b>	<b>(10.301.444)</b>	<b>(7.801.255)</b>
Tiền phạt	(7.629.015)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	(5.941.198)
Giá vốn phế liệu	-	(202.798)
Các khoản khác	(2.672.429)	(1.657.259)
<b>Lỗ thuần</b>	<b>(8.740.678)</b>	<b>(1.822.154)</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>
Thuế TNDN hiện hành	65.610.281	178.217.958
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	8.913.450	-
	<u>74.523.731</u>	<u>178.217.958</u>
Thuế TNDN hoãn lại	2.576.081	1.204.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.099.812</b>	<b>179.422.277</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>290.237.233</b>	<b>1.177.644.300</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</b>		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí trích trước	20.509.005	75.701.940
Các chi phí không được khấu trừ	7.629.015	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập cổ tức	-	(460.202.482)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(25.120.800)	-
Chi phí trích trước kỳ trước đã trả kỳ này	(30.813.328)	(80.271.927)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>262.441.125</b>	<b>712.871.831</b>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>65.610.281</b>	<b>178.217.958</b>
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các kỳ trước	8.913.450	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>74.523.731</b>	<b>178.217.958</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	179.489.201	28.281.211
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(18.913.450)	(53.907.032)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(4.596.402)	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 20)</b>	<b>230.503.080</b>	<b>152.592.137</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Ngàn VNĐ			
	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</i>	
	<i>kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng</i> <i>6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng</i> <i>12 năm 2010</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>6 tháng kết</i> <i>thúc ngày 30</i> <i>tháng 6</i> <i>năm 2011</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>6 tháng kết</i> <i>thúc ngày 30</i> <i>tháng 6</i> <i>năm 2010</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chi phí trích trước	5.127.251	7.703.332	(2.576.081)	(1.204.319)

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Miền Trung	Công ty con	Mua hàng hóa	15.152.525
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	6.838.337
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng Mua hàng hóa	5.606.969 577.751
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	383.231
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua nguyên vật liệu Doanh thu bán hàng	177.625 6.413.721
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	961.780
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay Doanh thu bán hàng	235.910 3.477.560
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	471.950 73.050.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	10.663.058
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển nhượng vốn góp của Công ty Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	405.185.505

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			Số tiền	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng	100.343.523	
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	2.835.219	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	821.805	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	14.889.634	
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	2.917.304	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.484.456	
		Cung cấp dịch vụ	6.514.327	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu bán hàng	10.927.187	
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	4.306.527	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	785.870	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Công ty con	Doanh thu bán hàng	47.024.153	
		Mua hàng hóa	5.089.061	
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	13.210.667	
		Góp vốn	281.526.500	
Công ty TNHH Một thành viên Nguyên Vật Liệu Gỗ	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.565.087	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tôna	Công ty con	Doanh thu bán hàng	28.179.753	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	15.584.381	
		Góp vốn	1.299.847.140	
Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Công ty con	Doanh thu bán hàng	3.642.200	
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	372.272	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.345.023	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Góp vốn	3.394.200	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Góp vốn	358.141.931	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	118.861.567
Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.610.599
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	11.776.141
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.449.488
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.972.755
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.273.423
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	37.892.905
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	12.232.084
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Hợp đồng xây dựng	58.475.959
Các bên liên quan khác	Bên liên quan		6.854.226
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>261.399.147</u></b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ
			Số tiền
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3.874.453
Các công ty khác	Công ty con		1.090.691
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.965.144</b>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn, tiền lãi và cổ tức	3.587.878.272
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	182.291.074
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Trả hộ tiền hàng	91.568.591
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Trả hộ tiền hàng	633.303
Công ty cổ phần xây lắp An Phú	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn, tiền lãi	27.507.565
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	4.992.104
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	38.415.093
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	39.097.554
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ chi phí	22.212.956
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	1.234.924
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa và dịch vụ	36.129.969

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	64.987
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Miền Trung	Công ty con	Chi hộ chi phí	14.398.192
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	75.986.887
Các công ty khác	Bên liên quan		498.807
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>4.122.910.278</u></b>
<b><i>Phải trả nhà cung cấp</i></b>			
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	6.239.014
Công ty Cổ Phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	1.258.978
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	4.930.125
Các công ty khác	Bên liên quan		936.245
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>13.364.362</u></b>
<b><i>Các khoản phải trả khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thanh toán hộ	128.673.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng tiền	4.076.449
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	4.284.451
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Viên Chăn	Công ty con	Cho mượn tạm	6.093.450
Các công ty khác	Công ty con		737.019
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>143.864.369</u></b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>
Mức đã trích trong kỳ	<u>5.287.500</u>	<u>4.278.243</u>

**31. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn và trồng cây công nghiệp lâu năm. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Dưới 1 năm	318.370	318.370
Từ 1 đến 5 năm	1.273.479	1.273.479
Trên 5 năm	10.781.208	10.939.084
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.373.057</u></b>	<b><u>12.530.933</u></b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động đầu tư. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

*Độ nhạy đối với lãi suất* (tiếp theo)

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ngàn VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>		
VNĐ	+300	(80.909.552)
VNĐ	-300	80.909.552
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>		
VNĐ	+300	(35.362.011)
VNĐ	-300	35.362.011

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn đáng kể so với các kỳ trước.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		US\$	Ngàn VNĐ
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>			
	+1	483.382	9.966.370
	- 1	(483.382)	(9.966.370)
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>			
	+1	107.762	2.221.837
	- 1	(107.762)	(2.221.837)

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Rủi ro về bất động sản*

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các đề án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

## 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### *Cho vay*

Công ty có cho các công ty con trong cùng Tập đoàn và cho Chính phủ Lào vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Ngàn VNĐ Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>			
Các khoản vay và nợ	1.014.366.124	2.641.830.985	3.656.197.109
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Phải trả người bán	125.267.721	-	125.267.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	829.341.637	1.166.512	830.508.149
	<b>1.968.975.482</b>	<b>3.742.997.497</b>	<b>5.711.972.979</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>			
Các khoản vay và nợ	1.159.196.966	883.069.736	2.042.266.702
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	-	1.100.000.000
Phải trả người bán	110.657.112	-	110.657.112
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	551.365.529	1.159.112	552.524.641
	<b>2.921.219.607</b>	<b>884.228.848</b>	<b>3.805.448.455</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình cho các khoản vay và trái phiếu phát hành (*Thuyết minh số 18 và 23*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Ngàn VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	293.112.585	280.819.684	293.112.585	280.819.684	
Các khoản cho vay và phải thu					
<i>Phải thu khách hàng</i>	448.784.273	295.652.105	448.784.273	295.652.105	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.122.910.278	4.136.019.802	4.122.910.278	4.136.019.802	
<i>Các khoản phải thu khác</i>	718.202.721	114.887.177	718.202.721	114.887.177	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	81.783.240	81.783.240	81.783.240	81.783.240	
<i>Đầu tư dài hạn</i>	98.693.554	98.693.554	98.693.554	98.693.554	
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.060.270.785	2.634.154.476	2.060.270.785	2.634.154.476	
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.823.757.436</b>	<b>7.642.010.038</b>	<b>7.823.757.436</b>	<b>7.642.010.038</b>	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

**33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Ngàn VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.					
- Vay và nợ	4.756.197.109	3.142.266.702	4.756.197.109	3.142.266.702	
- Phải trả các bên liên quan	143.864.369	142.832.243	143.864.369	142.832.243	
- Phải trả người bán	125.267.721	110.657.112	125.267.721	110.657.112	
- Phải trả khác	557.793.486	400.936.634	557.793.486	400.936.634	
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.583.122.685</b>	<b>3.796.692.691</b>	<b>5.583.122.685</b>	<b>3.796.692.691</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và phải trả tài chính không được đánh giá và quyết định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. ĐIỀU CHỈNH TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỶ TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN**

Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Theo đó, doanh thu và chi phí tương ứng từ việc bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất từ nay được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện trình bày trong thuyết minh số 3.1.

Trước đây doanh thu và chi phí tương ứng từ việc bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất được ghi nhận khi tất cả các nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện. Việc thay đổi này được xem là thay đổi chính sách kế toán theo Công văn trả lời của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 2 năm 2011 và đã được áp dụng hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" và được trình bày như sau:

Khoản mục	Số trình bày trước đây	Điều chỉnh	Ngàn VND
			Số trình bày lại
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>			
Doanh thu hàng bán và dịch vụ cung cấp	858.879.366	(11.442.721)	847.436.645
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(445.542.810)	9.814.876	(435.727.934)
Lợi nhuận trước thuế	1.179.272.145	(1.627.845)	1.177.644.300
Lợi nhuận sau thuế	999.849.868	(1.627.845)	998.222.023
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>			
Phải thu khách hàng	352.658.053	(57.005.948)	295.652.105
Hàng tồn kho	267.056.283	36.031.738	303.088.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	5.200.111	(5.200.111)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.203.284.932	(15.774.099)	2.187.510.833

**35. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000.000 VNĐ.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = 5% x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái).

"**Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái**" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu ("**Ngày Phát Hành**") đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = 5% x (1+y)<sup>n</sup>

Trong đó "**y**" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%. "**n**" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Phát Hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su HAGL do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su HAGL hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Phát Hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Phát Hành.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011